

Bản án số: 57/2019/DS-ST
Ngày: 26 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Cao Châu Tiếp**.
2. Ông **Lê Văn Tám**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** – Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST- DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Địa chỉ: Số 01, Nguyễn Thị M, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh N** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Vũ Thị A** – Chức vụ: Giám đốc Phòng quản lý nợ, theo giấy ủy quyền số 1134/UQ-QLN.18 ngày 25/10/2018.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Lê Xuân H** – Chức vụ: Nhân viên, theo giấy ủy quyền số 62/UQ-QLN.19 ngày 20/02/2019. (Có mặt)

Địa chỉ: Lầu 03, Tòa nhà N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn C, sinh năm 1973. (Vắng mặt)**

Chị **Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973. (Có mặt)**

Cùng địa chỉ: Tổ 05, khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Đặng Thị M**, sinh năm 1949. (Vắng mặt)

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1941. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 03, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22/01/2019, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng A có đại diện theo ủy quyền ông Lê Xuân H trình bày: Anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị Đ có ký Hợp đồng tín dụng số: CLA.CN.437.061114 ngày 10/11/2014 để vay vốn của Ngân hàng A tại Phòng giao dịch C với số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng, lãi suất vay trong hạn là 10%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng đầu tiên, kể từ ngày bên vay nhận tiền, kể từ tháng thứ 07 trở đi, lãi suất vay điều chỉnh 03 tháng/ lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 60 tháng được tính từ ngày 13/11/2014 đến ngày 13/11/2019. Sau khi vay thì đến ngày 03/6/2017 phía Ngân hàng với anh C và chị Đ đã ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung số CLA.CN.437.061114/GĐBS-01 về việc gia hạn thời gian vay kể từ ngày 13/11/2014 đến ngày 13/11/2020 và điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Trong quá trình vay vốn anh C và chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 22/10/2018 phía Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay còn lại chưa thanh toán. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay là ngày 26/7/2019 thì phía anh C và chị Đ còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay là 966.470.000 đồng, số tiền lãi (trong hạn+ quá hạn) là 169.970.169 đồng. Nay phía Ngân hàng yêu cầu anh C và chị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A tại Phòng giao dịch C số tiền là 1.136.440.169 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 966.470.000 đồng và lãi là 169.970.169 đồng). Nếu anh C, chị Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho phía Ngân hàng thì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số CLA.BĐCN.266.061114 ngày 10/11/2014 yêu cầu đưa ra phát mại bán đấu giá để ưu tiên thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.*

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Thừa nhận trước đây chị và chồng chị là anh C có vay Ngân hàng A tại Phòng giao dịch C với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng. Sau khi vay có trả và còn nợ lại số tiền vốn vay là 966.470.000 đồng và tiền lãi. Phía chị Đ cũng đồng ý cùng với anh C có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo yêu cầu của phía Ngân hàng để lấy lại giấy tờ thế chấp cho cha mẹ của chị Đ*

** Bị đơn Anh Trương Văn C dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Đặng Thị M dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn anh Trương Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Đặng Thị M. Xét thấy, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A có đại diện theo ủy quyền ông Lê Xuân H: yêu cầu anh C và chị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Ngân hàng A tại Phòng giao dịch C số tiền là 1.136.440.169 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 966.470.000 đồng và lãi là 169.970.169 đồng). Nếu anh C, chị Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho phía Ngân hàng thì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số CLA.BĐCN.266.061114 ngày 10/11/2014 yêu cầu đưa ra phát mại bán đấu giá để ưu tiên thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn Ngân hàng A là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn Ngân hàng A có đại diện theo ủy quyền ông Lê Xuân H xác định phía anh C và chị Đ vào ngày 10/11/2014 có ký Hợp đồng với Ngân hàng A tại Phòng giao dịch C theo Hợp đồng tín dụng số: CLA.CN.437.061114 để vay vốn của Ngân hàng. Trong quá trình vay anh C, chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận với Ngân hàng. Phía nguyên đơn Ngân hàng cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là phía anh C, chị Đ có vay tiền của Ngân hàng cụ thể là Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi bổ sung, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, khế ước nhận nợ, thông báo thu hồi nợ trước hạn; nên yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn Ngân hàng A là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với phía bị đơn chị Nguyễn Thị Đ tại phiên tòa hôm nay cũng đồng ý cùng với anh C có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo yêu cầu của phía Ngân hàng. Phía anh Trương Văn C dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gởi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn anh C đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn Ngân hàng A đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn anh C và chị Đ phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn anh C đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vay và lãi đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, điều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn anh C đã thừa nhận số tiền còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện và yêu cầu phía bị đơn anh C và chị Đ phải trả nên anh C không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn anh C cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Đối với phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn, nên cần buộc phía bị đơn anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tại Phòng giao dịch C số tiền là 1.136.440.169 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 966.470.000 đồng và lãi là 169.970.169 đồng). Nếu anh C, chị Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho phía Ngân hàng thì tài sản thế chấp

theo Hợp đồng thế chấp số CLA.BĐCN.266.061114 ngày 10/11/2014 yêu cầu đưa ra phát mại bán đấu giá để ưu tiên thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn anh C và chị Đ phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía nguyên đơn là 1.136.440.169 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên anh C và chị Đ phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.093.000 đồng.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 292, 299, 301, 303, 304, 308, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A có đại diện theo ủy quyền ông Lê Xuân H.

Buộc anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A tại Phòng giao dịch C số tiền là 1.136.440.169 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 966.470.000 đồng và lãi là 169.970.169 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh C và chị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số CLA.CN.437.061114 ngày 10/11/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi anh C và chị Đ trả đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng phải trả lại cho phía ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN:CH04812 ngày 29/12/2010 đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị M.

Nếu anh C và chị Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho phía Ngân hàng thì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số CLA.BĐCN.266.061114 ngày 10/11/2014 sẽ được đưa ra phát mại bán đấu giá để ưu tiên thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

Buộc anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.093.000 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng A 21.637.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002185 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn